

CẢM QUAN HIỆN THỰC VỀ CON NGƯỜI TRONG TIỂU THUYẾT CỦA ĐOÀN MINH PHƯỢNG

TRỊNH HẢI MINH^{1*}

Tóm tắt

Trong những sáng tác của mình, Đoàn Minh Phượng đã thể hiện cái nhìn mang nhân bản khi nhà văn tập trung khai thác con người từ góc nhìn bản thể, từ thân phận con người với những bi kịch đánh mất cội nguồn, gốc rễ, lạc lõng, bơ vơ, không định vị được mình là ai? Mình đến từ đâu. Ở đó, nhà văn còn bày tỏ cảm quan hiện thực của mình về hành trình của con người dần dần tri nhận lẽ sống- chết, từ đó người viết đã có những triết lý sâu sắc về cuộc sống, con người.

Từ khóa: Đoàn Minh Phượng, cảm quan hiện thực, bi kịch, bản thể, lẽ sống - chết

Abstract

In her compositions, Doan Minh Phuong has shown a humanistic view when she focuses on exploiting people from an ontological point of view, from the human condition with tragedies that have lost their origin, root, lost and isolation, unable to determine who they are? Where do they come from? There, the writer also expressed her realistic feelings about the journey of people who are committed to perceiving the reason of life and death, since then the writer has had profound philosophies about life and people.

Keywords: Doan Minh Phuong, perception of reality, essence, life-death.

1. Mở đầu

Theo Trần Đình Sử, quan niệm nghệ thuật về con người trong tác phẩm văn học “là sự lý giải, cắt nghĩa, sự cảm thấy con người đã được hoá thân thành các nguyên tắc, phương tiện, biện pháp thể hiện con người trong văn học, tạo nên giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ cho các hình tượng nhân vật trong đó” [8 tr.56]. Từ quan niệm ấy ta có thể thấy, văn học là nghệ thuật miêu tả con người, lấy con người

làm đối tượng, mục đích và phương thức sáng tạo. Quan niệm con người trong văn học còn thể hiện sự khám phá về con người, phản ánh cấu trúc của nhân cách con người và sự phức tạp trong quan hệ giữa người với người, giữa con người với thế giới khách quan. Tuy nhiên hiện thực là những gì ta nghe ta thấy, ta trải nghiệm là chưa đủ. Hiện thực còn là cái ta cảm thấy nữa. Những gì tồn tại ở thế giới bên ngoài đều có thể tìm thấy ở thế giới bên trong mỗi con người, ở trong tâm và trí của họ. Quan niệm ấy đã mở rộng đường biên của cảm quan hiện thực trong sáng tác của các nhà văn hậu hiện đại. Họ không chỉ miêu tả thế giới như họ

¹Trường THPT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Trịnh Hải Minh, (Email: tringhaiminh0916@gmail.com)



thấy, một thế giới mà trật tự xã hội được thiết lập. Trái lại trong cảm quan của họ, thế giới mà mình đang sống là một thế giới hỗn độn, đồ vỡ, được tạo nên bởi nhiều mảnh ghép, là thế giới phi hiện thực, là thế giới của cả những giấc mơ, huyền thoại... Trong thế giới ấy, mỗi con người là một cá thể, mang một thế giới nội tâm, một cách cảm, cách nghĩ và một nhu cầu bộc lộ quan niệm riêng. Về điểm này ta thấy những sáng tác của Đoàn Minh Phượng đã chạm đến chiều sâu của triết lý nhân sinh, chạm tới những vấn đề nhức nhối của con người hiện đại, đó là lẽ sống - chết, thương - hận, ghét - yêu của cuộc đời thường nhật. Đoàn Minh Phượng đã mang đến văn đàn Việt Nam một bức chân dung, một mảng màu đẹp và đầy ám gợi về phận người với những bi kịch riêng của số phận. Với ba tiểu thuyết: *Và khi tro bụi*, *Đốt cỏ ngày đồng*, *Tiếng Kiều đồng vọng*, phận người và bi kịch số phận con người được khai thác ở nhiều góc độ khác nhau nhưng điểm chung vẫn là nỗi cô đơn nguồn cội, là bi kịch của con người khi sống tha hương. Tha hương vì chiến tranh đã cắt lìa con người và cội rễ, tha hương vì người thân chối bỏ, tha hương nhưng không dừng lại trong phạm vi ranh giới xứ sở, mà tha hương chính nơi chốn trú ngụ cuối cùng là trái đất. “*Chúng ta gọi trái đất là quê hương, và trái đất là sự xã giao duy nhất chúng ta sa cơ vào*” [7 tr.42]

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thuyết về cảm quan, cảm quan hiện thực

Trong thực tiễn sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, khái niệm *cảm quan* được dùng với nghĩa phổ biến, đó là loại nhận thức đặc biệt, nhận thức không phải bằng suy lý, lôgic, bằng khái niệm mà bằng cảm giác, cảm tính, có tính trực cảm, trực giác được phát tiết từ vô thức. Từ *cảm quan* cũng được sử dụng khá nhiều ở các lĩnh vực khác nhau như triết học, tâm lý học, lý

thuyết thẩm mỹ, nghiên cứu văn học... Ở lĩnh vực nghệ thuật, *cảm quan* được hiểu là bằng cách nào đó một tác phẩm nghệ thuật được tạo ra và nó ảnh hưởng đến người đọc bằng những cảm nhận, suy ngẫm, đánh giá. Nói cách khác, mỗi tác phẩm nghệ thuật như một kiểu biểu tượng hóa ý tưởng về *cảm quan*. *Cảm quan* có vai trò rất lớn trong việc hiểu tác phẩm, và người đọc tốt là người có khả năng đọc được các dấu hiệu đặc biệt mà người nghệ sĩ đã ẩn giấu. Tùy vào khả năng, trình độ, giới tính,... của người tiếp nhận và đặc biệt là đặc điểm thời đại, nền văn hóa mà tác phẩm tác động như thế nào đến tâm tư của người đọc.

Phản ánh hiện thực là thiên chức của văn học nghệ thuật. Hiện thực được phản ánh như thế nào và bằng phương pháp gì sẽ làm nên đặc trưng của văn học nghệ thuật mỗi thời đại. Phản ánh hiện thực cũng là biểu hiện tư tưởng, tình cảm, thái độ của nhà văn trước thời đại mình đang sống. Dostoevsky từng cho rằng mỗi nhà văn có một cách nhìn riêng đối với hiện thực và điều mà nhiều người cho là huyền hoặc hay đặc biệt thì với ông lại chính là bản chất của cái hiện thực. K. Pauxtopki cũng khẳng định: “*Chỉ có người nào nói được với mọi người những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị, nhìn thấy những điều mà người khác không nhận ra, người đó mới có thể là nhà văn*” [4 tr.56]. Như vậy, từ hiện thực, mỗi nhà văn sẽ tiếp cận, sẽ cảm nhận và phản ánh theo những cách riêng biệt. Nghiên cứu cảm quan trong nghệ thuật, Chu Văn Sơn, qua *Ba đỉnh cao của Thơ mới*, *Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Hàn Mặc Tử*, đã bày tỏ quan điểm: “*Có thể hiểu cảm quan như là lối cảm nhận riêng trong đó chứa đựng quan niệm và cách cắt nghĩa riêng về thế giới của từng người nghệ sĩ. Trong những trường hợp thật điển hình, cảm quan ấy thường đọng lại trong những hình mẫu tổng quát nào đó*” [9 tr.79]. Từ đó, ta có thể hiểu, *cảm quan hiện thực*

chính là cái nhìn của người nghệ sĩ trước hiện thực cuộc đời, trước hết là của nhân dân mình và rộng ra là của nhân loại. Nó là một trong những nội dung của tư tưởng nghệ thuật. Chủ thể và khách thể phối kết, tương tác trong quá trình sáng tạo. Nhà văn, với những cảm xúc mãnh liệt, nồng cháy, đã băn khoăn, day dứt tìm cách xây dựng hình tượng để thể hiện thái độ cũng như cái nhìn, cách lí giải của mình về cuộc đời, hiện thực và con người. *Cảm quan hiện thực* vừa là sự tư duy nghệ thuật mang dấu ấn chủ quan của nhà văn, vừa là hình bóng của lịch sử, văn hóa, hiện thực và con người mang tính khách quan của tồn tại xã hội. Bên cạnh đó, *cảm quan hiện thực* còn thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về thế giới khách quan và dấu ấn sáng tạo không thể phai mờ của người nghệ sĩ. Vì vậy, *cảm quan hiện thực* không đơn thuần chỉ là một trong những đặc điểm của thi pháp nghệ thuật mà còn là tư tưởng nghệ thuật toát lên từ hệ thống hình tượng của toàn bộ tác phẩm. Nó chi phối mạnh mẽ để làm nên thế giới nghệ thuật riêng của nhà văn. “*Nghệ thuật cũng là một hoạt động, một công việc, nhưng công việc ở đây thực chất là một cách nhìn, một cách cảm thụ về thế giới, một thái độ, một lời đề nghị về cách sống*” [8 tr.62]

2.2. Biểu hiện của cảm quan hiện thực về con người trong sáng tác của Đoàn Minh Phụng

2.2.1. Cảm quan hiện thực về thân phận, kiếp người bị kịch

Quan niệm con người trong văn học thể hiện sự khám phá về con người, phản ánh cấu trúc của nhân cách con người và sự phức tạp trong quan hệ giữa người với người, giữa con người với thế giới khách quan. Tuy nhiên hiện thực là những gì ta nghe ta thấy, ta trải nghiệm là chưa đủ. Hiện thực còn là cái ta cảm thấy nữa. Những gì tồn tại ở thế giới bên ngoài đều có thể tìm thấy ở thế giới bên trong mỗi

con người, ở trong tâm và trí của họ. Cả một đời sống tâm linh cũng là hiện thực, không ai dám nói đã đào sâu thấu hiểu cái thế giới ấy”. Quan niệm ấy đã mở rộng đường biên của cái nhìn, cảm quan hiện thực trong sáng tác của các nhà văn hậu hiện đại. Họ không chỉ miêu tả thế giới như họ thấy, một thế giới mà trật tự xã hội được thiết lập, trái lại trong cảm quan của họ, thế giới mà mình đang sống là một thế giới hỗn độn, đổ vỡ, được tạo nên bởi nhiều mảnh ghép, là thế giới hiện thực, là thế giới của cả những giấc mơ, huyền thoại... Trong thế giới ấy, mỗi con người là một cá thể, mang một thế giới nội tâm, một cách cảm, cách nghĩ và một nhu cầu bộc lộ quan niệm riêng. Sẽ có bao nhiêu câu chuyện về cuộc đời, con người trong thế giới hỗn độn và lăm đăm mang này? Bao nhiêu vấn đề cần được nhà văn khai phá từ cái nhìn mang tính phát hiện về đời sống? Hòa vào dòng chảy chung của văn học, những tiểu thuyết của Đoàn Minh Phụng một lần nữa đã đặt ra những vấn đề nhức nhối của con người hiện đại, đó là lẽ sống - chết, thương - hận, ghét - yêu của cuộc đời thường nhật, là tiếng thở dài của những phận người cô đơn, không tìm thấy bất cứ một sự gắn kết nào giữa mình và cuộc đời. Với ba tiểu thuyết *Và khi tro bụi*, *Đốt cỏ ngày đồng*, *Tiếng Kiều đồng vọng*, phận người và bi kịch số phận con người được khai thác ở nhiều góc độ khác nhau nhưng điểm chung vẫn là lời nổi cô đơn nguồn cội, là bi kịch của con người khi sống tha hương: tha hương vì chiến tranh đã cắt lìa con người và cội rễ, tha hương vì người thân chối bỏ, tha hương nhưng không dừng lại trong phạm vi ranh giới xứ sở, mà tha hương là không tìm thấy chốn trú ngụ cuối cùng là trái đất. “*Chúng ta gọi trái đất là quê hương, và trái đất là sự xã giao duy nhất chúng ta sa cơ vào*” [5 tr.25].

Khảo sát các tiểu thuyết của Đoàn Minh Phụng *Và khi tro bụi*, *Tiếng Kiều đồng vọng*



và *Đốt cỏ ngày đồng*, chúng tôi nhận thấy hầu hết các nhân vật đều khổ nhọc gánh trên lưng những cây thập tự có đánh dấu bi kịch. Nhân vật tiểu thuyết Đoàn Minh Phượng, dù có dân thân hay có cuộc sống yên ổn, dù chịu sự chi phối của tác nhân đời sống hay được cuộc đời chiều chuộng cũng đều rơi vào bi kịch. Họ vừa là nạn nhân của bi kịch mà cuộc đời tạo nên vừa là tác nhân tạo nên những nỗi cam chịu, bi kịch đánh mất mình. Có thể nói, thế giới nghệ thuật tiểu thuyết Đoàn Minh Phượng được xây dựng dựa trên cảm quan về phận người và những bi kịch đau đớn mà con người phải đối diện, phải không ngừng đấu tranh trong cuộc sinh tồn.

Trong cảm quan hiện thực của Đoàn Minh Phượng, cuộc sống với muôn vàn nỗi buồn, muôn vàn nỗi đau, âm thầm tàn phá hủy diệt tâm hồn con người, đôi khi nó dồn ép, động lại thành những u uất mà con người mang theo suốt cả cuộc đời mình. An Mi trong *Và khi tro bụi* là phận người lưu vong “là một đứa trẻ mồ côi. Tôi đến từ một đất nước có chiến tranh. Ở Hildesheim, tôi hát trong ban đồng ca nhà thờ. Tôi không nhớ gì ngôi nhà thờ ấy, ngoại trừ đá và hơi lạnh từ đá” [5 tr.35]. Nỗi buồn lớn nhất trong con người cô là không trả lời được câu hỏi cô là ai? Cô đến từ đâu? Mất đi cội rễ, mất đi quê nhà, không rõ lịch sử nhân thân, cô thấy đời mình thật trơ trọi, cô quạnh. Cô có thể bị quật ngã bất cứ lúc nào. Điểm tựa trong đời cô, sợi dây liên kết giữa cô và cuộc sống mà cô thấy ý nghĩa nhất là tình thương của người cha nuôi và tình yêu của chồng nhưng cha nuôi của cô đã tự sát năm cô mười ba tuổi, mẹ nuôi đã đổ tất cả tội lỗi lên cô. Mẹ cô cho rằng cô chính là nguyên nhân khiến cho ông ấy tự vẫn. Lớn lên cô lấy chồng, chồng cô lại chết trong một tai nạn giao thông, giữa một ngày sương mù, không rõ lí do. Hai cái chết đã đẩy nỗi buồn, nỗi đau đớn, bi kịch cuộc đời của nhân

vật lên đến đỉnh điểm. Mất điểm tựa, mất đi sợi dây liên kết giữa mình và cuộc đời, mất đó là lí do cô không còn tha thiết sự sống. “Tôi mồ côi, không có quá khứ, tình yêu, ước mơ, tôi không có cái tên, chân dung hay linh hồn. Tôi là một gian nhà trống” [5 tr.152]. Khác với An Mi, bi kịch đớn đau nhất trong cuộc đời nhân vật Mai (Tiếng Kiều đồng vọng) là bi kịch của một cuộc đời bị người thân chối bỏ. “Tôi không có quê hương. Tôi lưu lạc từ ngày mới sinh, lưu lạc với chính mẹ mình, với chính đời mình”. [6 tr.179]. Cha cô, ông bà ngoại đã ruồng bỏ mẹ con cô, khi cô chỉ là một bào thai. Mẹ cô đã chịu đựng biết bao cay đắng, tủ nhục để sinh ra cô, nuôi cô trưởng thành. Mai, mẹ Mai, mang số phận lưu vong của những kiếp người có quê hương nhưng không thể trở về, có nguồn cội nhưng không được nhìn nhận. Điều này trở thành một vết thương lòng đau buốt mỗi khi kí ức ủa về, mỗi lần kỉ niệm bị chạm khê. Mẹ của Mai mang theo bi kịch ấy cho đến chết. Còn Mai? Cô đã chống lại số phận, cô vào Sài Gòn tìm cha, đứng trước căn biệt thự của cha mình, cô nhận thức được đầy đủ sự lạnh lẽo của tình phụ tử “Tôi không phải là đứa con gái nhỏ của ai cả. Sau những khoảnh khắc ngắn ngủi đứng trước cánh cổng của căn nhà đó, tôi chợt lớn hơn. Đủ lớn để biết rằng tôi mồ côi” [6 tr.49]. Thân phận của một đứa con gái bị ruồng bỏ khiến Mai buồn bã, đau đớn những lần rơi của số phận in hằn vào tâm trí cô, để lại ở đó biết bao tổn thương như kim châm, muối xát. Nhưng ít ra Mai còn có nơi để đi tìm, có người mẹ để cô yêu thương, có người cha dù bỏ rơi cô nhưng với cô là cả một vùng trời mơ ước, có quê ngoại để đôi khi trong kí ức vẫn gọi tên... Còn Mây trong *Đốt cỏ ngày đồng* lại là một phận người bơ vơ không định hướng, cô sống trong hiện tại, nhưng không tin vào thực tại, ngay cả khi cô sống trong tình yêu, hạnh phúc, cô vẫn lo sợ rằng đó là điều không có thật “Em sợ người

yêu em không được sinh ra” [7 tr.16]. Cô xem nỗi buồn là một phần đời của mình... Lang thang với muôn vàn cảm xúc, Mây gặp Q và những câu chuyện bi thương của Q đã khiến mây bừng tỉnh, cô nhận thức được rằng “*Cuối cùng, cuộc đời không phải là một giấc mơ; đời là hình ảnh vay mượn để ta đi tiếp*” [7 tr.133]. Và cuối cùng, khi kết thúc câu chuyện, một lần duy nhất, tên gọi của nhân vật Mây được xuất hiện – như một sự đánh dấu bản thể, một minh chứng cho sự tồn tại của nhân vật tôi. Cô sống là chính mình, không lãng du như mây lang thang, không vùi chôn đời mình vào những giấc mơ, những điều không có thật.

Thông qua việc xây dựng những nhân vật không chỉ khuyết thiếu về tên tuổi, ngoại hình mà còn cả nguồn cội, quê hương, Đoàn Minh Phụng đã hướng tới những con người vô danh trong xã hội. An Mi trong *Và khi tro bụi*, Kì Mai trong *Tiếng Kiêu đồng vọng*, nhân vật Mây trong *Đốt cỏ ngày đồng*, mỗi một nhân vật hiện lên với những miền tâm tưởng khác nhau, con số cuộc đời khác nhau. Những biến cố cuộc đời cứ liên tiếp ập đến, ngọt ngào, căng thẳng, dồn ép khiến họ đưa ra nhiều quyết định làm thay đổi, đảo lộn cuộc sống. Có thể nói bi kịch của họ xuất phát trước hết từ chính bản tính “giới”. Càng mỏng manh yếu đuối thì càng dễ bị những cơn bão táp cuộc đời quật ngã, họ dễ thích nghi song bao giờ cũng phải chịu nhiều va đập, tổn thương hơn nam giới. *Và khi tro bụi* là bi kịch của phận người không biết mình là ai? Mình đến từ đâu? Vì sao hạnh phúc lại mong manh? *Tiếng Kiêu đồng vọng* là bi kịch người có nguồn cội, có quê hương, có gia đình nhưng bị đẩy vào tận cùng của sự chối bỏ. *Đốt cỏ ngày đồng* lại là bi kịch của con người khi mất đi ý niệm về không gian, thời gian? Mất cân bằng, vô định lượng về cuộc sống. Con người lọt thỏm vào không gian vô định, con người nhỏ bé, trơ trọi,

đơn độc trên hành trình tìm lại chính mình. Cô đơn trở thành bi kịch lớn nhất trong cái nhìn về phận người của Đoàn Minh Phụng. Chị nhận thấy cuộc sống hiện đại, con người không còn phải bận tâm nhiều về chuyện cơm áo, những nhọc nhằn mưu sinh không phải là gánh nặng lớn nhất mà con người phải đối diện, phải vượt qua. Con người hiện đại, đối diện thường trực nhất là nỗi cô đơn bản thể, là những cảm xúc không thể giải bày, không biết cách giải bày, hoặc giả, không có người lắng nghe, thấu hiểu. Con người vẫn đang sống nhưng cảm giác đã bị “cắt lìa” với cuộc đời. Cảm quan hiện thực này của Đoàn Minh Phụng có lẽ xuất phát từ sự nhìn nhận của chị về đời sống công nghiệp hiện đại, khi mỗi cá nhân phải gồng mình với công việc, phải gấp gáp với thời gian, khi những “deadline” liên tiếp thúc giục, khi mối quan hệ giữa người với người chỉ dừng lại ở mức xã giao, ở tính chất công việc, cuộc sống khép kín giữa những ô cửa nhỏ, trong những căn hộ, giữa những chung cư cao tầng... Họ luôn mang tâm trạng bất ổn, trăn trở, băn khoăn kiếm tìm tự do, bản thể để rồi họ phải sống trong những chuỗi ngày cô đơn, đánh mất niềm tin vào cuộc đời. Hình ảnh con người phải đối diện một cách cô đơn giữa ý thức cá nhân và thân phận làm người trở nên thiết tha trong văn chương.

2.2.2. Cảm quan hiện thực về con người đi tìm bản thể

Tìm hiểu những sáng tác của Đoàn Minh Phụng, chúng tôi nhận thấy các nhân vật luôn băn khoăn và dằn vặt bản thân bởi những câu hỏi: tôi là ai, tôi sống như thế nào, quá khứ của tôi là gì? Đâu là điều tôi tìm kiếm trong cuộc đời mình?... Và chính những suy ngẫm về bản thể ấy đã thôi thúc nhân vật lên đường tìm kiếm chính mình. Họ nhận thức được sâu sắc rằng định vị được bản thân mới có thể định vị được cuộc đời. Tuy nhiên quá trình ấy không



dễ dàng, nó buộc con người phải phải dần thân, nhập cuộc, phải chịu nhiều tổn thương, mất mát. Mỗi con đường tìm kiếm sẽ có lực lượng cản trở khác nhau, điều đó quy định cách thức khám phá riêng của từng nhân vật. Đến khi kết thúc quá trình đi tìm bản thể, nhân vật sẽ gặp nhiều mất mát tổn thương nhưng cũng đồng thời ngộ ra được nhiều điều về cuộc sống.

Hành trình tìm kiếm bản thể của nhân vật An Mi trong tiểu thuyết *Và khi tro bụi* trước hết là hành trình tìm kiếm chính mình, sám hối về những lầm lỗi của mình. Chứng kiến cái chết đau đớn của mẹ, cảnh cha nuôi tự sát trong nhà thờ và rồi là cảnh người chồng bị tai nạn xe mà chết, An Mi chỉ còn lại một mình lạc lõng, cô đơn giữa dòng đời. Cô đã định chết ngay sau hai tuần sau khi chồng chết, nhưng những băn khoăn về bản thể của sự sống và cái chết cứ thôi thúc An Mi dần thân vào hành trình tìm kiếm: “*Tôi muốn biết mình là ai để ngày tôi chết tôi biết rằng ai đã chết*” [5 tr.5]. “*Tôi phải đi tìm tôi. Ghi chép mình ra trên giấy, tôi phải nhìn thấy mình, đọc được mình. Tôi phải có thật để cái chết tôi có thật*” [5 tr.12]. Thực hiện chuyến hành trình của đời mình, An Mi lạc vào câu chuyện của người khác. Từ thế giới của những con người xa lạ, cô có thời gian, không gian để nhận thức được bản thân mình. Nghĩa là, càng bước đi trên con đường tìm kiếm, nhân vật của Đoàn Minh Phượng càng mang những hoài nghi, ngờ vực. Từ cuốn nhật ký của Michael, cô đã lặn lội hai năm để tìm ra căn nhà với những “bóng ma” của gia đình ấy: cô Sophie, em Marcus, ông Kemf và cả bà Anita,... Nhưng sự thật thì không có một sự thật nào. Những gì được kể trong cuốn nhật ký của Michael là ghi nhận của một cậu bé bảy tuổi bị chấn thương tinh thần. Marcus bị chứng PTSD rất nặng, ông Kemf bị tai biến đã liệt nửa người. Còn bà Anita chỉ còn để lại cây đàn hồ cầm và “*hai tờ giấy xé ra từ vở học*

trò gắp lại, nằm giữa những trang nhạc” [5 tr.147]. Người kể chuyện chơi vui trước sự thật mong manh như tiếng kêu của một loài chim nhỏ dưới một bầu trời mây vẩn vù u buồn”, hành trình đi tìm bản thể luôn đầy chông gai, cạm bẫy và phải trải qua nhiều ngộ nhận mới có thể nhận thức được đầy đủ về mình. Cô ra sức tìm kiếm sự thật về gia đình người trực đêm, còn với bản thân mình, cô lại chối bỏ mình, khước từ quá khứ. Đã biết bao lần cô tự nhủ “*Tôi mồ côi, không có quá khứ, tình yêu, ước mơ, tôi không có một cái tên, chân dung hay linh hồn. Tôi là một gian nhà trống*” [5 tr.152]. “*Cuộc đời tôi đã bị cắt thành nhiều đoạn, và cứ ở mỗi khúc quanh, tôi lại xóa đi cái đoạn trước đó*” [5 tr.110]. Lúc đầu cô nghĩ rằng, mình giống đứa em Marcus, cũng là một thân phận bị bỏ quên, không cha không mẹ, không quê hương nhưng bất chợt lật lại những ngăn kéo của ký ức cô nhận ra, mình không phải vai Marcus, mà là bóng dáng trong cuộc đời của Michael. Cô mới chính là người bỏ rơi em mình, bỏ rơi chính mình. Quá khứ về quê hương đã nhắc cô nhớ đến một đứa em gái ruột thịt đáng thương trong tiếng gọi khắc khoải đã bị cô bỏ quên, cô bỏ chạy suốt 25 năm. Lúc bức màn được hé mở, cô tự thú với chính mình. Đáng xấu hổ hơn, cô đã sống với “*căn bệnh mất trí nhớ*” trong hai năm qua. Cô chọn cách quên đi tất cả để xóa bỏ đi mọi lỗi lầm trong quá khứ. Nhân vật An Mi đã tự thú, soi chiếu sự thật với hành vi của mình suốt bao năm qua. Cuộc hành trình tìm kiếm bản thể kết thúc, cô biết mình là ai, cô không phải người Đức mà là người Việt Nam. Cô đến từ một đất nước đau thương do chiến tranh gây ra. “*Trong lúc ý thức tắt dần, tôi lại nghe tiếng gọi tôi. Bây giờ thì tôi đã nhận ra tiếng gọi của em tôi, không phải từ ngày xưa mà là ngay lúc này*” [5 tr.186]. Khoảnh khắc cận kề với cái chết, bản năng sống mới trỗi dậy trong vô thức của nhân vật, hóa giải bao

nhiều mập mờ, những lẫn ranh khó phân định. Phải chăng khi đặt mình vào sợi dây chấp chới sống - chết, ta mới nhận ra lược đồ thân phận của chính mình. An Mi đã thực sự giải phóng được những mơ hồ, chất vấn bản thân để trực diện với nỗi đau không cội rễ của chính mình.

Cũng như An Mi, Mai trong *Tiếng Kiêu* *đồng vọng* đã cùng một lúc tiến hành hai cuộc hành trình: tìm lại cội nguồn và nhận thức về bản thể. Cuộc sống của Mai những năm tuổi thơ, chỉ có một người thân duy nhất là mẹ, cô không biết cha mình là ai, chỉ biết mẹ cô chữa hoang và sinh ra cô. Cô cũng rõ quê hương là nơi nào “Tôi không có quê hương. Tôi lưu lạc từ ngày mới sinh, lưu lạc với chính mẹ mình, với chính đời mình”. Trên hành trình ấy Mai đã gặp biết bao đau đớn, tủi nhục. Việc xuất hiện hồn ma của đứa em gái tên Kì Chi đã giúp Mai nhận thức rõ hơn về mình. Giúp cô trả lời được câu hỏi mình là ai? Mình như thế nào? Mình lựa chọn cách ứng xử nào cho đúng. Trong khi Mai luôn yếu đuối, lương thiện, hiền lành thì Chi lại mạnh mẽ và có phần tàn nhẫn. Hai chị em đã có nhiều lần tâm sự với nhau, Chi đã kể cho Mai nghe những câu chuyện Mai không biết, Chi đã sắp xếp hành lí cho Mai vào Sài Gòn, đưa Mai đến công ty Muôn hoa, xúi giục Mai bán trinh tiết, thậm chí là bán trinh tiết cho cha mình, để trả thù người cha đã nhẫn tâm đã bỏ rơi họ “Mai làm cho em lần này, một lần cuối duy nhất, đưa tội lỗi đến chỗ tận cùng, để cha quy xuống mà làm người”. Nhưng Mai đã không làm được điều ấy, cô đã bỏ chạy, cô đã tự đập vỡ mảnh gương, đâm vào người mình liên tiếp. Cô tự tìm đến cái chết để kết thúc hành trình tìm về cội nguồn và tự nhận thức bản thể. Rõ ràng trên hành trình ấy, Mai đã nhận thức rõ hơn sự nghiệt ngã của cuộc đời, nhận thức rõ mình là một cô gái yếu đuối nhưng mạnh mẽ, lương thiện. Cô không muốn trả thù, cô không

nuôi thù hận, cô chỉ lấy tình yêu thương làm lẽ sống của đời mình. Sự đấu tranh giữa cô và Kì Chi phải chăng là sự đấu tranh giữa hai mặt xấu- tốt, thiện- ác trong mỗi con người. Cuộc đời có thể đối xử thô bạo với cô, người thân có thể dối trá, tàn nhẫn với cô, Mai chỉ muốn hiểu thấu mọi việc về cuộc đời, về chính mình. Cô hiểu thấu được cội nguồn gốc rễ, cũng như đã soi tỏ được nội tâm sau rất nhiều va chấn. Lời tự độc thoại cũng chính là lời tự đáp cho hành trình tìm kiếm bản thể của mình “Biết được sự thật không phải là biết được câu chuyện gì, nó xảy ra như thế nào, biết được sự thật là biết được mình sẽ làm gì khi câu chuyện đó đẩy mình đến vách núi giữa biển lúc những cơn sóng đang chuyển động trên đường đi của nó” và “Có thể sự an bình, vô ưu không phải là điều chúng ta tìm. Chúng ta đi tìm những mối dây gắn mình với một thứ gì đó rất bao la mà tôi không biết tên. Tên của nó là nguồn cội? Tên nó là duyên kiếp”

Hành trình tìm kiếm bản thể đâu phải là điều dễ dàng. Và trong hành trình ấy, sự hoang mang, hụt hẫng, mất mát chắc chắn là điều không thể tránh khỏi. Khi càng muốn biết rõ, biết tường tận về một điều gì đó, người ta càng không biết gì về bản chất của nó. Không có chân lý khách quan, không có sự thật duy nhất, chỉ có sự thật trong nhận thức của mỗi người. Đọc tiểu thuyết của Đoàn Minh Phượng, dễ dàng thấy được sự trở đi trở lại của các câu hỏi mang tính bản thể như: Tôi là ai? Tôi được sinh ra từ đâu? Sống là gì? Cái chết là gì? Khi khai thác con người từ góc nhìn bản thể, các sáng tác của Đoàn Minh Phượng đã xem con người như một nhân vị để nhận thức và khám phá. Từ góc nhìn bản thể, nhà văn đề cho nhân vật của mình không ngừng nhận thức về chính mình, tìm kiếm bản thể “*nhân cách*” trong mình, tự sám hối, thú tội và luôn khao khát tìm kiếm giá trị cái đẹp, tình yêu trong cuộc đời.



2.2.3. Cảm quan hiện thực về con người dẫn thân, tri nhận lẽ sống- chết

Dẫn thân là một khái niệm quen thuộc trong triết học hiện sinh của J.P.Sartre hình thành trong tiểu thuyết *Buồn nôn* (1938), khẳng định trong *Hữu thể và hư vô* (1943) và sau đó, ông làm rõ hơn trong *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* (1945). Trên cơ sở lý giải về sự tồn tại của con người: buồn nôn, phóng thể, ưu tư, tự quyết, vươn lên..., ông tìm thấy ý nghĩa đặc biệt tích cực của con người với khái niệm *dẫn thân*. Theo ông, tự do là phương thức phù hợp với hữu thể người. Nhờ ý thức được sự khác biệt, không dừng lại, không thỏa mãn với những cái bản thân mình đạt được, có nhu cầu vượt lên mà con người có khả năng sáng tạo và thường xuyên làm ra những giá trị mới. Trong tâm thế ấy, con người tách mình ra khỏi những cái đã và đang hiện hữu, liên tục hướng tới cái khác, biết lựa chọn và tự mình lựa chọn, hoàn toàn chịu trách nhiệm về thế giới do họ tạo ra và tất cả những gì diễn ra trong thế giới ấy. Tất cả những điều ấy, J.P.Sartre gọi là thái độ và hành động dẫn thân. Dẫn thân là một hoặc những lựa chọn tự nguyện, tràn đầy ý thức, vì vậy nó mang tính thân tự do từ chủ thể đến đối tượng, từ khởi điểm đến kết thúc. Con người dẫn thân phải có năng lực ý thức và tự ý thức, luôn tra vấn, tự mình tìm kiếm và lựa chọn những giá trị mới, hướng đến tự do, vượt thoát giới hạn. Tóm lại, dẫn thân theo ông là sự lựa chọn, hành động và thái độ của con người vì tự do và tự chủ của cá nhân theo một mục đích, chủ trương nhất định. Dẫn thân là đi tìm ý nghĩa của sự tồn tại, là khẳng định ý nghĩa tồn tại của hữu thể trên trần thế. Với cách hiểu này, khái niệm dẫn thân của J.P.Sartre đã góp phần làm nên ý nghĩa nhân bản tích cực trong cái nhìn và cách khám phá hiện thực của các nhà văn đương đại.

Dẫn thân tìm ý nghĩa của tồn tại là quan

niệm con người mang ít nhiều sắc thái của triết học hiện sinh. Trong tiểu thuyết của Đoàn Minh Phụng các nhân vật đều được bắt đầu số phận bằng sự ra đi. Cả ba tiểu thuyết *Và khi tro bụi* và *Tiếng Kiêu đồng vọng*, *Đốt cỏ ngày đồng đều* cho người đọc một cảm nhận sâu sắc rằng, những hiện hữu như chiến tranh, đồng tiền, đạo đức, nhân cách, tội ác, trừng phạt, sám hối... - những vấn đề lâu nay tưởng rất quan trọng - lại chưa phải là tất cả của tồn tại. Trong thế giới nghệ thuật của Đoàn Minh Phụng, có một hiện hữu ghê gớm hơn đó chính là hư vô và hủy diệt. Những điều này buộc con người phải không ngừng tự nhận thức, tự thấu hiểu lẽ tồn tại của mình.

Trong *Tiếng Kiêu đồng vọng*, cũng xuất hiện kiêu con người dẫn thân với khát khao muốn kiếm tìm quê hương, gia đình. Mai lớn lên với khát vọng kiếm tìm cho mình nguồn cội. Cô muốn có quê hương, có người cha để biết mình là ai. Cô tự dẫn thân trải nghiệm lấy sự thật. Mai đã kết nối mình với tuổi thơ, với quê hương qua những ký ức rời rạc của người mẹ. Và để biết mình là ai, để có một quê hương, Mai đã dẫn thân trong những không gian khác để tìm kiếm. Với nỗi ám ảnh về thân phận của mình, Mai sống trong sự hoài nghi, day dứt về một sự thật ẩn giấu. Người con gái lớn lên, không quê hương, không cha. Mai dẫn thân vào một hành trình tìm kiếm. Cô tìm thấy người cha mà cô hằng đêm ao ước được gặp, cô gặp được Chi, người em gái song sinh yếu mệnh, sống nương tựa vào nỗi buồn. Cô đi tìm sự thật, đi tìm một nửa khuất lấp trong tâm hồn người em gái. Dẫn thân kiếm tìm sự thật, Mai gặp những con người luôn luôn phủ định chính điều mình đã nói, đã làm. Mai khao khát đi tìm cha nhưng cha cô chối từ sự hiện diện của cô và có lúc cô không hiểu mình tìm lại cha để làm gì? Kết thúc câu chuyện buồn thảm là nỗi hoài nghi về sự tồn tại của con

người. Đây là sự thật trong cuộc sống của cô. Chi và Mai là chị em sinh đôi, Chi đã bị hại chết, hay Chi là con dì Lan, Chi còn sống, còn Mai đã chết? Mai lạc lõng trong những hoài nghi về chính cuộc đời này “ *Tôi không bước qua được nỗi buồn, sự hối hận và tuyệt vọng từ hôm mẹ mất. Tôi có lỗi với mẹ, lỗi ấy lớn lao và sẽ còn trĩu kéo tôi xuống vực sâu trong trăm năm còn lại. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu hết tội lỗi ấy*” [6 tr.208]

Nếu trong *Tiếng Kiêu đồng vọng*, hình ảnh con người dần thân được Đoàn Minh Phụng xây dựng khá đậm nét thì đến *Đốt cỏ ngày đồng*, kiểu nhân vật dần thân ấy lại được xây dựng rất đổi mơ hồ, khó nhận ra, toàn bộ hành trình dần thân của nhân vật được bao bọc trong không gian của cảm xúc, của sự chen lấn quá khứ- hiện tại; của sự lắp ghép các câu chuyện, cuộc đời. Nhân vật Tôi, người kể chuyện cũng như đang rơi vào mê lộ của đời mình. Cô tìm kiếm tình yêu, mong chờ tình yêu, người mình yêu, xem tình yêu là lẽ sống, là mục đích, ý nghĩa, giá trị của sự tồn tại nh ưng cô lại mơ hồ không rõ tình yêu ấy có thật không? Người yêu của cô có trên đời hay không, cho đến khi cô gặp Q, sự trả thù của Q đối với người đàn ông đã hãm hại cuộc đời cô ấy, Mây mới nhận diện rõ ràng ý nghĩa của sự sống. Sống chỉ có giá trị khi không chấp nhận sự sắp đặt, định đoạt của người khác, sống còn là hành động để bảo vệ những gì ý nghĩa với cuộc đời mình. Sự mạnh mẽ của Q khiến cho Mây bừng tỉnh “*Khi em ngẩng lên nhìn tôi trong một giây ngắn, có một thứ gì đó bừng lên, nỗi buồn đốt bằng cái đẹp, ngọn lửa cuối cùng bừng lên, trong một thoáng không bao giờ tắt, vừa đủ cho tôi nhận ra, nhớ lại, cái đẹp này, nỗi buồn này.*” [7 tr.127]

Trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phụng, con người sống trong ám ảnh về nỗi u buồn. Dù đã nỗ lực dần thân, tìm kiếm giá trị của bản

thể nhưng con người vẫn không định vị được mình trong không gian, thời gian, con người bị tách khỏi quê hương, gia đình. Cuộc sống trở thành những hành trình kiếm tìm, nhập cuộc nhưng cuối cùng, họ không có nơi nào dừng chân, không biết mình kiếm tìm gì và để làm gì. Tưởng chừng chỉ là cảm xúc tràn ngập những trang văn, nhưng không, đọc văn Đoàn Minh Phụng người đọc còn nhận ra cả một hành trình của tư duy, của những suy tưởng mang tầm triết lý, là cuộc vận hành của trí tuệ đến cõi nhân sinh. Trong tiểu thuyết của mình, nhà văn còn dành nhiều suy nghĩ về sự sống, cái chết, những trần trở muôn đời của con người. Tuy nhiên bằng cảm quan hiện đại, nhà văn mang đến những triết lý sâu sắc, đáng để chúng ta suy ngẫm nhiều hơn. Những tri nhận của nữ văn sĩ về sự sống, cái chết có lẽ đã chịu ảnh hưởng chủ nghĩa hoài nghi, chứa đựng trong câu nói của Khổng Tử “Sống còn chưa biết thì biết chết làm gì?” hay là câu của triết gia Hy Lạp cổ đại Epicura: “Khi tôi sống thì làm sao biết được chết là gì. Khi tôi chết rồi, lại càng không thể biết chết là gì”. William Shakespeare trong vở kịch Hamlet đã từng viết “to be or not to be”. Sống không chỉ là tồn tại, mà sống phải đầy đủ ý nghĩa của cuộc sống. Chính vì mong muốn được sống cho ra sống mà các nhân vật không chấp nhận đánh mất mình chỉ để duy trì sự sống bản thân. Họ muốn có được một cuộc sống đúng nghĩa chứ không phải chỉ đơn thuần là để tồn tại trên thế giới này.

Cũng như sự sống, cái chết trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phụng không chỉ là những cái chết mang tính sự kiện, thông báo mà còn biểu hiện cho phép ứng xử của con người đối với sự tồn tại. Cái chết là một phương cách hành xử mong cầu sự giải thoát, là triết lý về một sự trở về, một sự bắt đầu, một khởi nguyên tồn tại hữu lí. Mặc dù cái chết trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phụng chỉ mới thể hiện một thái



độ khước từ thực tại và chưa hàm chứa một ý nghĩa sống mới nào nhưng hành động lựa chọn cái chết đậm chất hiện sinh của nhân vật trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phượng đã biểu hiện cho ý thức muốn vượt thoát khỏi cuộc sống nhàm chán, tầm thường và bộc lộ khát vọng chính đáng của con người về một sự giải thoát, thanh tẩy. Cái chết mang mệnh đề giải thoát được thể hiện qua hình ảnh cha nuôi của An Mi, một người sống quá lâu trong đời một người khác. Đó cũng là cách hành xử của Anita trong *Và khi tro bụi*, của Mai trong *Mưa ở kiếp sau* để mong vượt thoát khỏi những ám ảnh tội lỗi, kết thúc sự tồn tại nhàm chán và oan trái trên cõi người ta. Con người chấp nhận sự hủy hoại để giải thoát bản thân khỏi sự vô minh, u mê và ngu muội, chấp nhận giá đề đổi lại một sự sống (có thể) tuyệt đối ở một thế giới khác. Bằng cảm quan hiện thực tinh tế, sâu sắc, nhà văn nhấn mạnh con người cần cảm nghiệm đầy đủ mọi đau đớn, phải loại bỏ hoàn toàn những vướng bận thì cái chết mới thực sự là một sự giải thoát tuyệt đối: “*Còn buồn tủi, còn thương lấy tấm thân, làm sao xa rời nó đi được*” [5 tr.141]. Cái chết là sự cắt đứt con người khỏi quá khứ, nguồn cội nhưng cái chết cũng mang con người trở lại với ký ức, nối liền những đổ vỡ rạn nứt từ bên trong. Cái chết, suy cho cùng, cũng là một sự trở về. Trong đoạn kết câu chuyện u buồn của An Mi, cái chết hiện lên như một sự trở về “*Tôi đang trôi gần đến cái chết, đang lênh đênh trên dòng nước chảy xuống triền núi. Một chút nữa, nơi mặt đất dừng lại, dòng nước sẽ rơi xuống vực và bên dưới là thung lũng nằm trong bóng tối mênh mông*” [5 tr.185]. Hành trình ra đi tìm kiếm chân lý của tồn tại cũng chính là hành trình tìm về với bản nguyên. Cái chết là sự kết thúc nhưng cái chết cũng hàm chứa trong nó dấu vết của sự bắt đầu. Triết lý mang âm hưởng Phật giáo phương Đông này đã được Đoàn Minh Phượng gửi gắm trong nhan đề

và lời đề từ dịch từ thơ Henry Vaughan: “*Và khi tro bụi rơi về/ Trong thinh lặng đó cận kề quê hương*”.

Chính vì cảm quan bất khả tri ấy mà con người luôn mang ám ảnh phi lý về cái chết. Cái chết, với Đoàn Minh Phượng là một nét nghĩa khác của sự sống, đó là một hình thức phủ nhận sự phi lý của tồn tại đồng thời cũng là hành vi khẳng định sự có thật của tồn tại, một tồn tại tuyệt đối. Với cảm quan hiện thực Đoàn Minh Phượng không những dành nhiều trang trong *Và khi tro bụi*, *Đốt cỏ ngày đồng*, *Tiếng Kiều đồng vọng* để triết lý về cái chết mà còn cấu trúc tác phẩm theo mô hình con người đi tìm cái chết. Nhân vật xác định cuộc đời buồn tẻ, đơn điệu của mình cần được chấm dứt bằng cái chết nhưng cũng thường xuyên tự vấn về bản chất của sự chết: “*Tôi hiểu gì? Cái chết*” [5 tr.10]. Cái chết trở thành một đối đầu bi thảm, một thất bại, một bất công tuyệt đối, nhưng đồng thời cái chết khiến cho cuộc sống có ý nghĩa, giá trị và cuối cùng, sự khản thiết phải sống và hiện hữu!

3. Kết luận

Cảm quan hiện thực về con người trong những tác phẩm của Đoàn Minh Phượng chủ yếu thể hiện trong cái nhìn đầy thương cảm của nhà văn khi viết về hình ảnh của những con người lẻ loi, đơn độc trên bước đường đi tìm nguồn cội, tìm lại sợi dây liên hệ mình với quá khứ, với quê hương,... Đó là hành trình kiếm tìm bản thể, kiếm tìm mối quan hệ với thế giới, con người và chấp nối lại những mảnh vụn trong chính cuộc đời mình, là hình ảnh con người dần dần khám phá ý nghĩa cuộc sống, dù cho được sinh ra, bị lưu đầy trong thế giới phi lý, phải đối mặt với những khó khăn, gian khổ trong cuộc đời nhưng con người vẫn mang trong mình ý thức sống mãnh liệt, vẫn

suy nghĩ tích cực về bản năng sống dù biết một ngày nào đó sẽ phải đối diện với cái chết. Đó là tất cả những giá trị mà tiểu thuyết của Đoàn Minh Phụng mang đến cho độc giả hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Tú Anh (2019), *Đề tài tha hương trong văn xuôi Việt Nam đầu thế kỉ XXI*, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội
- [2] Lại Nguyên Ân (biên soạn) (2004), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Hạnh (2004), *Lí luận văn học vấn đề và suy nghĩ*, NXB Giáo dục
- [4] K.G. Pautopxki (2018), *Bông hồng vàng và Bình minh mưa*. NXB Văn học, Hà Nội
- [5] Đoàn Minh Phụng (2007), *Và Khi tro bụi*, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội
- [6] Đoàn Minh Phụng (2020) *Tiếng Kiêu đồng vọng*, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội
- [7] Đoàn Minh Phụng (2020), *Đốt cỏ ngày đông*. NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội
- [8] Chu Văn Sơn (2003), *Ba đỉnh cao Thơ mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- [9] Trần Đình Sử (2012), *Lí luận và phê bình văn học*, NXN Giáo Dục, Hà Nội

Ngày nhận bài: 07/08/2023

Ngày gửi phản biện: 17/08/2023

Ngày duyệt đăng: 25/11/2023